



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
Email: ubndtinh@gialai.gov.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2862~~/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày ~~01~~ tháng ~~12~~ năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực ngành Công Thương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 ngày 6 tháng 2025;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 ngày 6 tháng 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 14 ngày 10 tháng 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

1. Nội dung ủy quyền thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày 01/3/2027.

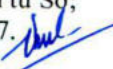
Điều 2. Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đã được ủy quyền, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền tại Điều 1

Quyết định này; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh hoặc chấm dứt nội dung ủy quyền tại điều 1 Quyết định này khi có sự thay đổi về quy định có liên quan đến nội dung ủy quyền đảm bảo đúng quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, XDCT, X7. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Anh



PHỤ LỤC
ỦY QUYỀN THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Quyết định số: **2866/QĐ-UBND** ngày **04/12/2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

ST T	Nội dung ủy quyền	Cơ sở pháp lý
I. Lĩnh vực Hóa chất		
1	Tổ chức cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương (bao gồm cả việc thực hiện các thủ tục hành hình về cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương)	Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
2	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1, điểm c, d khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
3	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1, điểm c, d khoản 3, điểm c khoản 4, điểm d khoản 6 Điều 18 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
4	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Khoản 1, khoản 2 Điều 8 và Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
5	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
6	Thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
7	Tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số	Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

	33/2024/NĐ-CP	ngày 12/6/2025
8	Tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
9	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi theo thẩm quyền Giấy phép sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3; tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
II. Lĩnh vực Kinh doanh khí		
10	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP	Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
11	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP	Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
12	Cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG và giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
13	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
14	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
15	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
III. Lĩnh vực Kinh doanh rượu		
16	Cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Khoản 1, Điều 20 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
17	Tiếp nhận báo cáo tình hình sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại trên địa bàn xã trong lĩnh vực kinh doanh	Điều 13 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025

	rượu quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.	
IV. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ		
18	Huấn luyện, kiểm tra, cấp, cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP	Khoản 1, Điều 24 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
19	Ban hành văn bản đề nghị cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn trên thềm lục địa hoặc dịch vụ nổ mìn có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại điểm b khoản 4 Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.	Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
20	Cấp, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; khoản 3 Điều 1 Thông tư 38/2025/TT-BCT
21	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn quản lý, trừ các tổ chức quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 thông tư số 23/2024/TT-BCT và các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng	Khoản 3 Điều 1 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
22	- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của địa phương thực hiện kiểm tra hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn theo quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và dịch vụ nổ mìn theo thông báo của tổ chức, doanh nghiệp để đảm bảo an ninh, an toàn. - Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 23/2024/TT-BCT. - Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn quản lý. (Không bao gồm nhiệm vụ, thẩm quyền thanh tra; Không bao gồm thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của UBND tỉnh)	- Khoản 9 Điều 1 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 - Khoản 6 Điều 70 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

23	- Báo cáo Bộ Công Thương: a) Tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh trước ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 30 tháng 12 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT; b) Sau khi tiếp nhận báo cáo đột xuất của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này, trong thời hạn 24 giờ phải báo cáo theo Mẫu số 05 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT. - Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy ở địa phương đối với công trình sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy (đối với nội dung Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn về xây dựng).	Khoản 10 Điều 1 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
24	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	- Điểm c khoản 1 Điều 10 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. - Điều 17 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024
V. Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động		
25	Cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
VI. Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
26	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng; kết luận cuối cùng khi có sự khác biệt về kết quả kiểm nghiệm giữa các cơ sở kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý quy định tại khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP	Khoản 3 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
27	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương quy định tại khoản 6 Điều 39 Nghị định số	Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

	15/2018/NĐ-CP.	ngày 12/6/2025
28	Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá các cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về năng lực tổ chức thực hiện kiểm chứng an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm được phân công quản lý theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013.	Khoản 1 Điều 15 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
29	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở thực phẩm quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT	Khoản 1 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
30	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở thực phẩm quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT	Khoản 2 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
31	- Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 43/2018/TT-BCT. - Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, xem xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2018/TT-BCT theo tình hình thực tế tại địa phương; - Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ đăng ký, tổ chức đánh giá, xem xét, quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; - Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 43/2018/TT-BCT; - Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Công Thương kết quả cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2018/TT-BCT; danh sách các cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐCP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; báo	Khoản 3 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025

	cáo kết quả thu hồi và xử lý sản phẩm sau thu hồi theo quyết định thu hồi bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, kết quả chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu; chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.” <i>(Không bao gồm nhiệm vụ giao hoặc chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu).</i>	
32	Cấp 01 Giấy chứng nhận cho cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cấp 01 Giấy chứng nhận cho chuỗi siêu thị mini và cửa hàng tiện lợi theo quy định pháp luật có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT	Khoản 4 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
33	- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện mục 2, mục 3, mục 4, mục 5 và mục 6 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP tại địa phương. - Tổ chức thực hiện mục 2, mục 3, mục 4, mục 5 và mục 6 Chương VI Nghị định số 77/2016/NĐ-CP tại địa phương.	Điều 17 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
34	Quản lý nhà nước về kiểm nghiệm thực phẩm thực hiện việc tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký, đánh giá, chỉ định, kiểm tra, giám sát cơ sở kiểm nghiệm tương ứng với phạm vi quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm được phân công theo quy định tại Điều 21a Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.	Điều 18 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
VII. Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hoá		
35	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp tại Điều 18 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, cụ thể: - Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc thử nghiệm, giám định, chứng nhận, kiểm định phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Công Thương. - Công bố công khai danh sách tổ chức đánh giá sự	Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025

	phù hợp được chỉ định và tổ chức đánh giá sự phù hợp có kết quả đánh giá sự phù hợp được thừa nhận theo quy định khoản 2 Điều 26 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa để cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan lựa chọn sử dụng.	
36	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc trách nhiệm, quản lý nhà nước của Bộ Công Thương tại Điều 4 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016	Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
37	Thực hiện trách nhiệm của UBND tỉnh quy định tại Điều 9 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025, gồm: - Thực hiện cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Thực hiện việc công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương danh sách các tổ chức kiểm định và thông tin về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện. - Thực hiện kiểm tra hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện của tổ chức kiểm định, các tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện trên địa bàn quản lý. <i>(Không bao gồm hoạt động thanh tra quy định tại Điều 19 Thông tư số 02/2025/TT-BCT)</i>	Điều 9 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
38	Thực hiện trách nhiệm của UBND tỉnh tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025, gồm: - Thực hiện thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp (hoạt động thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa); Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được cấp Giấy chứng nhận. - Thực hiện thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận, giám định,	Khoản 5 Điều 10 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025

	kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định. - Cập nhật Danh sách Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp; cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp trên trang thông tin điện tử của Sở. - Cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và quản lý hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa. - Tổ chức, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bao gồm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng). - Báo cáo Bộ Công Thương về tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý (Báo cáo định kỳ hàng năm và Báo cáo đột xuất). <i>(Không bao gồm nhiệm vụ xử lý vi phạm về tổ chức đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)</i>	
VIII. Lĩnh vực Dầu khí		
39	Thực hiện trách nhiệm của UBND tỉnh quy định tại Khoản 3, Điều 4 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025, gồm: - Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí trên địa bàn trừ các công trình có quy mô tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này. - Kiểm tra, việc thực hiện nội dung các tài liệu về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật”. <i>(Không bao gồm nhiệm vụ Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)</i>	Khoản 3 Điều 4 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025
IX. Lĩnh vực Khoáng sản		
40	Thực hiện trách nhiệm của UBND cấp tỉnh tại Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025, gồm: - Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá và phê duyệt	Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025

	hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò của các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền. - Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định trong việc lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền. - Kiểm tra công tác lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. <i>(Không bao gồm thẩm quyền xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản của UBND tỉnh)</i>	
41	Thực hiện cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025 của Bộ Công Thương ban hành quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025
X. Lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu		
42	Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh tại khoản 3 Điều 7 và Khoản 2 Điều 44 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, gồm: - Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở, cảng trên địa bàn tỉnh theo quy định; - Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại địa phương	Khoản 3 Điều 7 và Khoản 2 Điều 44 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021
XI. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại		
43	Đăng ký, sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài.	Khoản 1 Điều 14 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
XII. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu		
44	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Khoản 4 Điều 28 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
45	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	Khoản 5 Điều 28 Nghị định

		146/2025/NĐ-CP
46	Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Khoản 6 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
47	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Khoản 7 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
48	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Khoản 9 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
49	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Khoản 10 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
50	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	Khoản 11 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
51	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Khoản 1 Điều 34 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
52	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Khoản 12 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
53	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Khoản 12 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
54	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Khoản 12 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Khoản 12 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
56	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Khoản 1 Điều 23 Thông tư số 38/2025/TT-BCT
57	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	Khoản 2 Điều 24 Thông tư 38/2025/TT-BCT
58	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Khoản 1 Điều 25 Thông tư 38/2025/TT-BCT
XIII. Lĩnh vực Thương mại quốc tế		
59	Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập	Khoản 1 Điều 35

	Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Nghị định 146/2025/NĐ-CP
60	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Khoản 1 Điều 35 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
XIV. Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp		
61	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Khoản 1 Điều 48 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
62	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Khoản 2 Điều 48 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
63	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Khoản 4 Điều 48 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
XV. Lĩnh vực Giám định Thương mại		
64	Đăng ký, đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 38/2025/TT-BCT
XVI. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
65	Cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	Khoản 2 Điều 20 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
66	Cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Khoản 1 Điều 19 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
XVII. Lĩnh vực Thương mại điện tử		
67	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Khoản 2 Điều 49 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
68	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Khoản 3 Điều 49 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
69	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Khoản 4 Điều 49 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
XVIII. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		
70	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	Khoản 14 Điều 31 Nghị định 146/2025/NĐ-CP

71	Cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
XIX. Lĩnh vực Điện		
72	UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh đối với các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Khoản 3 Điều 37 Luật Điện lực số 61/2024/QH15 và Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025
XX. Lĩnh vực Công nghiệp nặng		
73	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP